

Số: 1063 BHHX-BT

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2014

V/v khoan nợ tiền BHHX, BHYT đối
với doanh nghiệp Vinashin, Vinalines

Kính gửi: Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Căn cứ quy định tại Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11, Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11, Luật Bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11, Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12;

Căn cứ Công văn số 61/TTg-KTTH ngày 02/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết chế độ, chính sách đối với người lao động thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines); Công văn số 62/TTg-KTTH ngày 02/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết chế độ, chính sách đối với người lao động thuộc Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam (Vinashin); Công văn số 835/VPCP-KTTH ngày 08/02/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc xử lý nợ bảo hiểm xã hội (BHHX), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của các doanh nghiệp thuộc Vinashin và Vinalines;

Tiếp theo Công văn số 2308/BHHX-BT ngày 25/6/2013 về việc thu BHHX, BHYT các doanh nghiệp thuộc Vinashin, Vinalines, Công văn số 5136/BHHX-BT ngày 18/12/2013 về việc khoan nợ tiền BHHX, BHYT đối với doanh nghiệp thuộc Vinashin, Vinalines, Bảo hiểm xã hội Việt Nam hướng dẫn thực hiện khoan nợ tiền BHHX, BHYT, BHTN đối với các doanh nghiệp thuộc Vinashin (nay là Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy (SBIC)) và Vinalines như sau:

1. Nội dung khoan nợ tiền BHHX, BHYT, BHTN

1.1. Các doanh nghiệp được khoan nợ gồm năm (5) doanh nghiệp chuyển từ Vinashin sang Vinalines và chín mươi hai (92) doanh nghiệp thuộc Vinashin (danh sách kèm theo Công văn số 5136/BHHX-BT);

1.2. Số tiền được khoan nợ gồm tiền nợ BHHX, BHYT, BHTN và tiền lãi chậm đóng tính đến hết ngày 31/12/2012.

1.3. Thời hạn được khoan nợ: từ 01/01/2013 đến 31/12/2017 (05 năm).

1.4. Trách nhiệm trả nợ

Trong thời hạn được khoan nợ, doanh nghiệp được khoan nợ phải trả tiền nợ được khoan và tiền lãi phát sinh theo quy định tại Khoản 3 Điều 138 Luật BHHX và Khoản 2 Điều 49 Luật BHYT.

2. Hồ sơ khoan nợ BHHX, BHYT, BHTN đối với mỗi doanh nghiệp

2.1. Danh sách người lao động tham gia BHHX, BHYT, BHTN tính đến ngày 31/12/2012 (Mẫu 01/KN kèm theo Công văn này). Người lao động có tên trong danh sách quản lý của doanh nghiệp nhưng không hưởng tiền lương, tiền

công hàng tháng thì không tính thu, truy thu BHXH, BHYT để tính vào khoản nợ của doanh nghiệp.

2.2. Biên bản đối chiếu xác nhận nợ của doanh nghiệp (Mẫu số 02/KN kèm theo Công văn này).

2.3. Chứng thư bảo lãnh nợ của SBIC hoặc Vinalines (Mẫu kèm theo Công văn này).

3. Giải quyết chế độ BHXH, BHYT, BHTN đối với người lao động trong doanh nghiệp được khoan nợ

3.1. Thời gian khoan nợ (đến 31/12/2012) được tính là thời gian đóng BHXH, BHTN để xác nhận, chốt sổ BHXH làm căn cứ giải quyết hưởng chế độ BHXH, BHTN theo quy định hoặc bảo lưu thời gian đóng BHXH, BHTN.

3.2. Thời gian khoan nợ (đến 31/12/2012) được tính là thời gian tham gia BHYT liên tục để tính hưởng BHYT đối với người lao động theo quy định; Quỹ BHYT không chi trả chi phí khám, chữa bệnh của người lao động phát sinh trong thời gian khoan nợ.

3.3. Từ 01/01/2013 trường hợp doanh nghiệp tiếp tục nợ tiền BHXH, BHYT, BHTN phát sinh thì đối với người lao động đủ tuổi giải quyết chế độ hưu trí, người lao động chuyển đi, người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, giám đốc doanh nghiệp có văn bản đề nghị và đóng trước tiền BHXH, BHYT, BHTN để chốt sổ BHXH, giải quyết chế độ cho người lao động. Giám đốc cơ quan BHXH xem xét, giải quyết đề nghị của doanh nghiệp.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Trách nhiệm của doanh nghiệp được khoan nợ

- Phối hợp với cơ quan BHXH thực hiện kiểm tra, đối chiếu, lập Danh sách người lao động tham gia BHXH, BHYT, BHTN (Mẫu 01/KN); Biên bản đối chiếu xác nhận nợ của doanh nghiệp (Mẫu số 02/KN). Sau đó, gửi cho SBIC hoặc Vinalines để lập Chứng thư bảo lãnh; gửi BHXH tỉnh 02 bộ hồ sơ.

- Từ 01/01/2013 ngoài việc phải đóng số tiền BHXH, BHYT, BHTN của người lao động tham gia BHXH, BHYT theo quy định, doanh nghiệp có thể trả tiền khoan nợ (gốc và lãi) cho cơ quan BHXH. Trên chứng từ chuyển tiền, doanh nghiệp cần ghi rõ: *trả nợ tiền BHXH, BHYT, BHTN được khoan*. Nếu không ghi rõ nội dung trả nợ thì số tiền chuyển nộp của doanh nghiệp được tính là tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN và tiền lãi chậm đóng (nếu có) phát sinh từ 01/01/2013.

4.2. Trách nhiệm của BHXH tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (BHXH tỉnh)

- Căn cứ hồ sơ tham gia, đóng BHXH, BHYT của doanh nghiệp, hướng dẫn, phối hợp với doanh nghiệp kiểm tra, rà soát số lao động, số tiền đóng, số tiền nợ để lập hồ sơ khoan nợ theo quy định tại Mục 2 Công văn này (BHXH tỉnh giữ 02 bộ).

- Đơn đốc doanh nghiệp đóng BHXH, BHYT, BHTN phát sinh hàng năm từ 01/01/2013 và trả tiền nợ khoanh.

- Hàng tháng, trao đổi, phối hợp với các cơ quan có liên quan tại địa phương (Sở Kế hoạch-Đầu tư, Thuế, Tòa án...) theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, có biện pháp thu hồi nợ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật trong trường hợp doanh nghiệp giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động.

- Hàng tháng, quý báo cáo BHXH Việt Nam về tình hình trả nợ được khoanh của các doanh nghiệp (các chỉ tiêu báo cáo theo mẫu số 03/KN kèm theo Công văn này được bổ sung vào mẫu báo cáo thống kê số 01BC, 02BC ban hành kèm theo Công văn số 3465/BHXH-KHTC ngày 05/4/2013 của BHXH Việt Nam).

- Hết thời hạn khoanh nợ, nếu doanh nghiệp chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu SBIC hoặc Vinalines trả thay doanh nghiệp. Trường hợp không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thay thì thực hiện các biện pháp thu hồi nợ theo quy định.

- Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ và giải quyết hưởng các chế độ BHXH theo quy định.

4.3. Trách nhiệm của BHXH Việt Nam

- Các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình, kiểm tra, giám sát tình hình thu hồi nợ được khoanh, hướng dẫn BHXH tỉnh yêu cầu đơn vị bảo lãnh là SBIC và Vinalines trả nợ thay cho doanh nghiệp.

- Trung tâm Công nghệ Thông tin sửa đổi, bổ sung phần mềm quản lý thu có liên quan để BHXH tỉnh theo dõi, quản lý đối tượng, số tiền khoanh nợ, lãi và tình hình trả tiền nợ, tiền lãi, giải quyết chế độ BHXH, BHYT đối với doanh nghiệp theo quy định.

BHXH các tỉnh thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn này. Quá trình thực hiện có vướng mắc thì báo cáo BHXH Việt Nam để xem xét, giải quyết. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP;
- Các Bộ: LĐTBXH, TC; YT, TP; GTVT;
- TLĐLĐ VN;
- TGD, các Phó TGD;
- SBIC, Vinalines (đề p/h);
- Các đơn vị trực thuộc BHXH VN;
- Lưu: VT, BT (5b).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đỗ Văn Sinh

Mẫu 01/KN

(Ban hành kèm theo Công văn số 1063/BHXH-BT
ngày 01 tháng 4 năm 2014 của BHXH Việt
Nam)

Điện thoại:

Tính đến 31/12/2012

[illegible]

..., ngày tháng năm 2014

Giám đốc BHXH (tỉnh/thành phố)...
(Ký tên, đóng dấu)

Giám đốc...
(Ký tên, đóng dấu)

Trưởng phòng Thu

Kế toán trưởng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số 02/KN
(Ban hành kèm theo
Công văn số 1063 /BHXH-BT
ngày 01 tháng 1 năm 2014 của BHXH VN)

BIÊN BẢN
ĐỐI CHIẾU XÁC NHẬN SỐ TIỀN NỢ TÍNH ĐẾN 31/12/2012

Căn cứ quy định tại Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11, Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11, Luật Bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11, Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12;

Căn cứ Công văn số 61/TTg-KTTH ngày 02/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết chế độ, chính sách đối với người lao động thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines)/Công văn số 62/TTg-KTTH ngày 02/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết chế độ, chính sách đối với người lao động thuộc Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam (Vinashin);

Hôm nay, ngày...../...../20..... tại:.....

Chúng tôi gồm:

- **Đại diện cơ quan Bảo hiểm xã hội**.....:

1. Ông (bà):- Giám đốc

2. Ông (bà):- Trưởng Phòng Thu

- **Đại diện đơn vị sử dụng lao động**:

1. Ông (bà):Giám đốc

2. Ông (bà):Kế toán trưởng

Hai bên lập biên bản đối chiếu xác nhận số tiền được khoanh nợ gồm tiền nợ BHXH, BHYT, BHTN và tiền lãi chậm đóng tính đến ngày 31/12/2012 của doanh nghiệp như sau:

STT	Chi tiêu	BHXH	BHYT	BHTN
1	Số lao động được khoanh nợ			
2	Số tiền còn nợ			
3	Tiền lãi chậm đóng còn nợ			
4	Tổng số tiền còn nợ (2+3)			

Tổng tiền nợ BHXH, BHYT, BHTN và lãi chậm đóng được khoanh.....
(bằng chữ).....

(Kèm theo Danh sách lao động tham gia BHXH, BHYT tính đến 31/12/2012 lập ngày
tháng năm)

CƠ QUAN BẢO HIỂM XÃ HỘI
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Mẫu số 03/KN
ban hành kèm theo Công văn số: 1063 /BHXH-BT
ngày 01 tháng 4 năm 2014 của BHXH VN)

CHỈ TIÊU BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU NỢ KHOANH

I. Các chỉ tiêu báo cáo bổ sung mẫu 01BC ban hành kèm theo Công văn số 3465/BHXH-KHTC ngày 05/9/2013 của BHXH Việt Nam

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Lũy kế tháng trước chuyển sang	Phát sinh trong tháng	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo
A	B	C	1	2	3
VII Tiền nợ khoanh và trả nợ		207			
1 Tiền nợ khoanh	triệu đồng	208			
2 Tiền lãi phát sinh	triệu đồng	209			
3 Tiền trả nợ	triệu đồng	210			

II. Các chỉ tiêu báo cáo bổ sung mẫu 02BC ban hành kèm theo Công văn số 3465/BHXH-KHTC

Tên chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ trước		Phát sinh trong quý báo cáo		Lũy kế đến cuối quý báo cáo	
		Số người	Số tiền (tr.đ)	Số người	Số tiền (tr.đ)	Số người	Số tiền (tr.đ)
A	B	1	2	3	4	5	6=2+4
D. Tiền nợ khoanh và lãi phát sinh	65						
D1. Tiền nợ khoanh	66						
D2. Lãi phát sinh	67						
E. Tiền trả nợ	68						

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY
CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

Hà Nội, ngày tháng năm 2014

CHỨNG THƯ BẢO LÃNH

**Đối với khoản nợ BHXH, BHYT, BHTN được khoan theo
Công văn số 62/TTg-KTTH ngày 02/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ**

Kính gửi: Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố ...

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005 tại kỳ họp thứ 7 quốc hội khoá XI;

Căn cứ Công văn số 62/TTg-KTTH ngày 02/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết chế độ, chính sách đối với người lao động thuộc Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 835/VPCP-KTTH ngày 08/02/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc xử lý nợ BHXH, BHYT, BHTN của các doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy và Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 104/2006/QĐ-TTg ngày 15/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3287/QĐ-BGTVT ngày 21/10/2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc thành lập Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy;

Căn cứ Quyết định số 3990/QĐ-BGTVT ngày 06/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc Phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy;

Xét đề nghị của Công ty tại văn bản số.....ngày.....tháng.....năm..... về việc đề nghị Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy bảo lãnh nợ khoan BHXH, BHYT, BHTN từ năm 2012 trở về trước kèm theo Biên bản đối chiếu xác nhận nợ giữa cơ quan BHXH tỉnh, thành phố ... và Công ty..... (bao gồm cả lãi chậm đóng đến hết 31/12/2012 và lãi phát sinh trong thời gian khoan nợ) để giải quyết chế độ, chính sách đối với người lao động theo Công văn số 62/TTg-KTTH ngày 02/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ,

Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy, địa chỉ số 172 Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội; Đăng ký kinh doanh số 0100113303 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 05/07/2006, thay đổi lần 6 ngày 18/12/2013, chấp thuận bảo lãnh cho Công ty, địa chỉ..... với số tiền bảo lãnh tối đa bao gồm số tiền nợ BHXH, BHYT, BHTN, tiền lãi chậm đóng tính đến ngày 31/12/2012 là đồng (Bằng chữ:) và lãi số tiền nợ BHXH, BHYT,

BHTN phát sinh trong thời gian khoan nợ để giải quyết chế độ, chính sách cho người lao động.

Trong trường hợp đến hết ngày 31/12/2017 hoặc do bị giải thể, phá sản (gồm cả các trường hợp Công ty.....không còn tồn tại) mà Công ty.....không trả nợ BHXH, BHYT, BHTN, tiền lãi chậm đóng tính đến ngày 31/12/2012 và lãi số tiền nợ BHXH, BHYT, BHTN phát sinh trong thời gian khoan nợ đúng hạn, Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy cam kết trả toàn bộ nợ nêu trên cho Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố ... (chuyển vào tài khoản số:.....) thay cho Công tyngay sau khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố ... về việc đề nghị Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy được kế thừa quyền đòi nợ của Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố ... đối với Công ty ngay sau khi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, với quyền được ưu tiên thanh toán nợ theo luật định.

Mọi vấn đề liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ chứng thư bảo lãnh này đều phải có sự thỏa thuận bằng văn bản giữa Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố ... và Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy.

Chứng thư bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Công tyhoặc Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy trả hết nợ BHXH, BHYT, BHTN, tiền lãi chậm đóng tính đến ngày 31/12/2012 và lãi số tiền nợ BHXH, BHYT, BHTN phát sinh trong thời gian khoan nợ cho Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố

Chứng thư này lập thành 06 bản (sáu bản) có giá trị pháp lý như nhau, 02 bản gửi Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố ..., 01 bản gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam, 02 bản lưu tại Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy, 01 bản lưu tại Công ty..... để thực hiện.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công ty(để t.hiện);
- Lưu VT, TCKT.VN.06

**TM.HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HÀNG HẢI VIỆT NAM

Số: / Hà Nội, ngày tháng năm 2014

CHỨNG THU BẢO LÃNH

Đối với khoản nợ BHXH, BHYT, BHTN được khoan theo
Công văn số 61/TTg-KTTH ngày 02/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ

Kính gửi: Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố ...

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005 tại kỳ họp thứ 7 quốc hội khoá XI;

Căn cứ Công văn số 61/TTg-KTTH ngày 02/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết chế độ, chính sách đối với người lao động thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 835/VPCP-KTTH ngày 08/02/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc xử lý nợ BHXH, BHYT, BHTN của các doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy và Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 25/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 184/QĐ-TTg ngày 15/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Công ty tại văn bản số.....ngày.....tháng.....năm..... về việc đề nghị Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam bảo lãnh nợ khoan BHXH, BHYT, BHTN từ năm 2012 trở về trước kèm theo Biên bản đối chiếu xác nhận nợ giữa cơ quan BHXH tỉnh, thành phố và Công ty..... (bao gồm cả lãi chậm đóng đến hết 31/12/2012 và lãi phát sinh trong thời gian khoan nợ) để giải quyết chế độ, chính sách đối với người lao động theo Công văn số 61/TTg-KTTH ngày 02/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ,

Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, địa chỉ số 01 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa Thành phố Hà Nội; Đăng ký kinh doanh số 0100113303 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 05/07/2006, thay đổi lần 6 ngày 18/12/2013, chấp thuận bảo lãnh cho Công ty, địa chỉ..... với số tiền bảo lãnh tối đa bao gồm số tiền nợ BHXH, BHYT, BHTN, tiền lãi chậm đóng tính đến ngày 31/12/2012 là đồng (Bằng chữ:) và lãi số tiền nợ BHXH, BHYT, BHTN phát sinh trong thời gian khoan nợ để giải quyết chế độ, chính sách cho người lao động.

Trong trường hợp đến hết ngày 31/12/2017 hoặc do bị giải thể, phá sản (gồm cả các trường hợp Công ty.....không còn tồn tại) mà Công ty.....không trả nợ BHXH, BHYT, BHTN, tiền lãi chậm đóng tính đến ngày 31/12/2012 và lãi số tiền nợ BHXH, BHYT, BHTN phát sinh trong thời gian khoảng nợ đúng hạn, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam cam kết trả toàn bộ nợ nêu trên cho Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố(chuyển vào tài khoản số:.....) thay cho Công tyngay sau khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố ... về việc đề nghị Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam được kế thừa quyền đòi nợ của Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố ... đối với Công ty ngay sau khi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, với quyền được ưu tiên thanh toán nợ theo luật định.

Mọi vấn đề liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ chứng thư bảo lãnh này đều phải có sự thỏa thuận bằng văn bản giữa Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố ...và Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Chứng thư bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Công tyhoặc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam trả hết nợ BHXH, BHYT, BHTN, tiền lãi chậm đóng tính đến ngày 31/12/2012 và lãi số tiền nợ BHXH, BHYT, BHTN phát sinh trong thời gian khoảng nợ cho Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố

Chứng thư này lập thành 06 bản (sáu bản) có giá trị pháp lý như nhau, 02 bản gửi Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố ..., 01 bản gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam, 02 bản lưu tại Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, 01 bản lưu tại Công ty..... để thực hiện.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công ty(để t.hiện);
- Lưu: VT, ...

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**